

Số: 45 /KH-UBND

Cần Thơ, ngày 04 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2025

Thực hiện Kết luận số 123-KL/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Công văn số 1216-CV/TU ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025; ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy Ủy ban nhân dân¹ thành phố.

Để triển khai đồng bộ, quyết liệt, thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, phấn đấu tăng trưởng kinh tế ở mức hai con số với nỗ lực lớn nhất để đạt kết quả cao nhất và bảo đảm phù hợp với điều kiện của địa phương, đóng góp cho phát triển kinh tế quốc gia, UBND thành phố xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Phấn đấu thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 ở mức tăng 10,5 - 11%² so với năm 2024 đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng chung của cả nước; hoàn thành với kết quả cao nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, tạo tiền đề cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030;

b) Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đã đề ra tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và của Thành ủy, HĐND thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; các sở, ban ngành, UBND quận, huyện, tập thể, cá nhân liên quan theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp của từng ngành, lĩnh vực quản lý phù hợp với mục tiêu và kịch bản tăng trưởng kinh tế năm

¹ Hội đồng nhân dân: HĐND; Ủy ban nhân dân: UBND

² UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2025 về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy và HĐND thành phố về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 để tập trung thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 9,5% trở lên (đảm bảo theo mục tiêu giao tại Nghị quyết 25/NQ-CP của Chính phủ); đồng thời, phấn đấu đạt từ 10,5-11% theo Công điện số 140/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2025; khuyến khích các ngành, các địa phương tập trung mọi nguồn lực, phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng, không ngừng đổi mới, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, nhanh chóng khắc phục khó khăn, hạn chế của từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao thực hiện toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Yêu cầu

a) Theo dõi, nắm bắt tình hình quốc tế và trong nước, chủ động có giải pháp xử lý kịp thời, hiệu quả với những biến động lớn và vấn đề mới phát sinh; đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ phải cụ thể, trọng tâm, trọng điểm, có tính đột phá, khả thi, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình, điều kiện thực tế của ngành, lĩnh vực và địa phương;

b) Phân công rõ đơn vị, tập thể, cá nhân chủ trì theo dõi triển khai thực hiện, đánh giá đối với từng nhiệm vụ, nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu, bảo đảm tập trung tổ chức thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả;

c) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và kịp thời xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; báo cáo đánh giá định kỳ kết quả thực hiện và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

II. KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (GRDP)

1. Chỉ tiêu tăng trưởng phấn đấu thực hiện trong năm 2025

Phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2025 tăng 10,5 - 11% so với năm 2024, tương ứng giá trị tăng thêm theo giá hiện hành đạt khoảng 19.300 - 19.970 tỷ đồng so với ước thực hiện năm 2024³. Trong đó:

a) Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (Khu vực I) tăng 3,58 - 3,84% (tương ứng về giá trị tăng thêm 1.000 - 1.040 tỷ đồng);

b) Khu vực công nghiệp, xây dựng (Khu vực II) tăng 11,6 - 11,76% (tương ứng về giá trị tăng thêm 6.410 - 6.480 tỷ đồng);

c) Khu vực dịch vụ (Khu vực III) tăng 11,86 - 12,39% (tương ứng về giá trị tăng thêm 11.090 - 11.580 tỷ đồng);

d) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6 - 6,96% (tương ứng về giá trị tăng thêm 800 - 870 tỷ đồng).

2. Một số chỉ tiêu cụ thể và kịch bản từng quý

a) Một số chỉ tiêu phấn đấu đạt và vượt kế hoạch trong năm 2025:

- Tổng thu ngân sách nhà nước phấn đấu đạt 14.192 tỷ đồng (thu nội địa 13.732 tỷ đồng, thu hải quan 460 tỷ đồng), cao hơn 1.830 tỷ đồng so với Kế hoạch (KH) đã được HĐND thành phố giao; trọng tâm là phấn đấu tăng thu 1.650 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất;

- Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tăng 10% (KH đã giao là 8%);

³ Tổng giá trị sản phẩm GRDP (giá hiện hành) năm 2024 ước đạt 133.065 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng khoảng 30% so với ước thực hiện năm 2024 (KH đã giao tăng từ 23-29%);

- Dự nợ tín dụng tăng khoảng 14,5% so với cuối năm 2024. Tổng vốn huy động tăng khoảng 11,1% so với cuối năm 2024.

b) Kịch bản tăng trưởng từng quý:

- Quý I/2025: Tốc độ GRDP tăng 9,19 - 9,23% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Khu vực I tăng 2,39%; Khu vực II tăng 9,65% (riêng lĩnh vực công nghiệp tăng 9,97%); Khu vực III tăng 10,82%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,21 - 6,71%;

- Quý II/2025: Tốc độ GRDP tăng 10,89 - 11,01% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Khu vực I tăng 4,25%; Khu vực II tăng 11,75% (riêng lĩnh vực công nghiệp tăng 12,5%); Khu vực III tăng 11,86%; Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 5,02 - 7,02%;

- Quý III/2025: Tốc độ GRDP tăng 10,39 - 11,22% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Khu vực I tăng 3,18 - 3,78%; Khu vực II tăng 12,64% (riêng lĩnh vực công nghiệp tăng 13,28%); Khu vực III tăng 11,16 - 12,49%; Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 6,06 - 6,86%;

- Quý IV/2025: Tốc độ GRDP tăng 11,36 - 12,33% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Khu vực I tăng 4,66 - 4,96%; Khu vực II tăng 12,23 - 12,83% (riêng lĩnh vực công nghiệp tăng 12,37 - 12,8%); Khu vực III tăng 12,73 - 14,11%; Thuế sản phẩm trừ đi trợ cấp sản phẩm tăng 6,68 - 7,23%.

(Đính kèm Phụ lục chi tiết các ngành)

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Để thực hiện kịch bản tăng trưởng nêu trên, UBND thành phố yêu cầu các sở, cơ quan, ban ngành quyết tâm, nỗ lực tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp, nhiệm vụ đã đề ra tại các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Thành ủy và HĐND thành phố, 12 nhóm giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch số 11/KH-UBND. Bên cạnh đó, từng ngành, từng địa phương quan tâm triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

1. Ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và có thặng dư cao

a) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện:

- Khẩn trương tổ chức triển khai Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố về giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2025 của UBND thành

phổ về thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Thành ủy và HĐND thành phố về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

- Theo dõi sát diễn biến tình hình quốc tế, khu vực, trong nước, chủ động phân tích, dự báo, có phương án ứng phó kịp thời, hiệu quả; phân tích, đánh giá, báo cáo tình hình và đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện đạt và vượt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, góp phần thực hiện đạt cao nhất các chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của thành phố.

b) Giám đốc Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XIX, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XIX:

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN), triển khai thực hiện các chỉ thị của Chủ tịch UBND thành phố về thu, chi ngân sách năm 2025⁴, phấn đấu thu vượt so với Nghị quyết HĐND thành phố giao (trong đó đảm bảo tiến độ thu nội địa quý I đạt 27,08% KH giao, hết quý II đạt 49,03%, hết quý III đạt 70,46% và hoàn thành KH vào quý IV);

- Tập trung khai thác các khoản thu từ đất (trong đó phần đầu tăng 1.650 tỷ đồng đối với nguồn thu tiền sử dụng đất so với dự toán giao đầu năm); các khoản thu liên quan đến thương mại điện tử; hoạt động dịch vụ, kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản...; tăng tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững; thực hiện rà soát kiểm tra, đánh giá việc quản lý thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn; đôn đốc xử lý thu hồi nợ thuế, không để phát sinh nợ thuế mới. Triển khai kịp thời, hiệu quả chính sách giảm thuế giá trị gia tăng trong 06 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XV. Thực hiện tốt các chính sách về miễn, giảm, gia hạn các loại thuế, phí, lệ phí theo hướng dẫn của Trung ương, góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong năm 2025. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN.

c) Đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực 14: Thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ và ngân hàng của Trung ương. Triển khai hiệu quả, kịp thời chính sách của Trung ương về lãi suất, tín dụng; chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn cân đối nguồn vốn, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng; đẩy mạnh triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp bằng các hình thức phù hợp. Cuối năm 2025 thực hiện hoàn thành 100% chỉ tiêu dư nợ tín dụng với khoảng 199.800 tỷ đồng.

2. Làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống

a) Về đầu tư công:

⁴ Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc tăng cường công tác thu nội địa năm 2025; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc điều hành thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025.

- Giao Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện: Tập trung đẩy mạnh thực hiện dự án và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công: giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án theo từng nhóm vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn (giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, đơn giá, định mức, nguyên vật liệu xây dựng, các vấn đề về quy hoạch...); phấn đấu đạt vượt chỉ tiêu giải ngân đặt ra từng mốc thời gian, dự kiến quý I giải ngân đạt tỷ lệ 15% KH vốn giao, đến hết quý II đạt 44%, hết quý III đạt 68% và đạt 96% vào ngày 31 tháng 01 năm 2026; góp phần hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025;

- Giao Giám đốc Sở Tài chính: Tiếp tục phối hợp các sở ngành có liên quan rà soát đôn đốc theo dõi tình hình triển khai thực hiện của các chủ đầu tư dự án, kịp thời tham mưu đề xuất tháo gỡ khó khăn vướng mắc các dự án được phân công nhằm đảm bảo tiến độ giải ngân theo chỉ đạo; chủ động đề xuất điều chỉnh, điều chuyển và bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn, khẩn trương tham mưu giao hết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trong 6 tháng đầu năm; phối hợp với các chủ đầu tư tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện, kịp thời đề xuất trung ương bổ sung vốn theo nhu cầu tiến độ, không để thiếu vốn để triển khai dự án, nhất là các công trình trọng điểm;

- Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách và các đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư, trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án khởi công mới đã được bố trí vốn đầu năm; đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các dự án theo tiến độ được duyệt. Tập trung hoàn thành thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đối với các dự án quan trọng để sớm triển khai thực hiện hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch đầu tư công năm 2025 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, phát huy hiệu quả đầu tư, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

- Giao Chủ tịch UBND quận, huyện quan tâm phối hợp với các chủ đầu tư khẩn trương, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, không để ảnh hưởng đến tiến độ chung của các dự án; khẩn trương thực hiện thủ tục đầu tư các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tái định cư để kịp thời và chủ động bố trí tái định cư cho dân.

b) Về phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư ngoài ngân sách:

- Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:

+ Triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố, phân đấu Cần Thơ được đánh giá là “Nhóm địa phương có chất lượng điều hành tốt”; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; tạo lập hệ thống hỗ trợ khởi sự kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, ổn định, tự do sáng tạo cho doanh nghiệp khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp ngày càng tăng về quy mô, số lượng và chất lượng hoạt động;

+ Đòi hỏi phương thức tiếp cận và hoạt động thu hút đầu tư ngoài ngân sách, có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn khu vực, thị trường đối tác để thúc đẩy hợp tác phát triển phù hợp với bối cảnh thế giới và khu vực; ưu tiên kết nối sản xuất và cung ứng toàn cầu; quan tâm thu hút đầu tư xanh, công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ phụ trợ, phương pháp quản lý, quản trị tiên tiến, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng, nhất là sản xuất hàng xuất khẩu, các ngành, lĩnh vực thế mạnh của thành phố về y tế, giáo dục...; chủ động khuyến khích các dự án FDI theo cơ cấu ngành kinh tế tăng vốn, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, cải tiến công nghệ...;

+ Tham mưu UBND thành phố ban hành kế hoạch thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư, làm việc với các đối tác chiến lược nhằm thúc đẩy tiến độ đề xuất dự án; tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục có liên quan đối với các đề xuất dự án tại các Bản ghi nhớ đầu tư đã ký kết trong Hội nghị công bố Quy hoạch và Xúc tiến đầu tư thành phố; các dự án thuộc danh mục dự án thu hút đầu tư vào thành phố Cần Thơ giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024.

- Giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:

+ Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nội dung Quy hoạch thành phố Cần Thơ tại Quyết định số 1519/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là thông tin Danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và thông tin dự kiến triển khai tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024. Chủ động thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để có thể triển khai ngay việc đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư khi có nhiều nhà đầu tư quan tâm;

+ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố chuyển đổi Nông trường Sông Hậu thành phố Cần Thơ thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để sau khi sắp xếp, chuyển đổi, thực hiện ngay việc kêu gọi đầu tư các dự án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch thành phố;

- Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan: Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện Danh mục dự án quy hoạch xây dựng, dự án quy hoạch đô thị thành phố Cần Thơ đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024;

tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch thành phố Cần Thơ. Tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch trên địa bàn thành phố. Phấn đấu hoàn thành Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 làm cơ sở xem xét thẩm định điều kiện phù hợp với quy hoạch để chấp thuận đầu tư các dự án nói chung và dự án ngoài ngân sách nói riêng;

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất và quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố phù hợp với quy định hiện hành và thực tiễn địa phương. Tham mưu UBND thành phố ban hành giá đất cụ thể đối với các dự án đã ban hành Quyết định giao đất, các doanh nghiệp đã được UBND thành phố ban hành quyết định cho thuê đất, gia hạn, điều chỉnh mục đích sử dụng đất thuê, cho thuê đất có mặt đất chuyên dùng, chuyển nhượng dự án thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định. Rà soát, đối chiếu, hướng dẫn các doanh nghiệp ký lại hợp đồng thuê đất đã đến hạn phải ký lại hợp đồng thuê đất hoặc chưa ký hợp đồng thuê đất theo giá thuê đất quy định, các dự án đã hết thời gian hưởng ưu đãi theo quy định của Luật Đất đai. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tổng thể trên địa bàn thành phố phục vụ chuyển đổi số.

c) Về tiêu dùng:

- Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:

+ Thực hiện hiệu quả các giải pháp kích cầu tiêu dùng trên từng địa bàn đô thị và nông thôn, đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”, chương trình OCOP, bằng những chương trình, nội dung thiết thực, cụ thể gắn với từng nhóm đối tượng tiêu dùng; tiếp tục tăng cường tuyên truyền và tổ chức triển khai các nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến thông qua các hình thức tuyên truyền và chủ động phối hợp với các đầu tư môi tại các trung tâm thương mại, siêu thị, các doanh nghiệp trên địa bàn;

+ Tăng cường tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung; thúc đẩy sản xuất, bảo đảm cung ứng đầy đủ nhu cầu, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn cung, nhất là đối với các hàng hóa thiết yếu; gắn kết giữa sản xuất, phân phối và tiêu dùng; nâng cao chất lượng các loại dịch vụ, nhất là các loại dịch vụ đem lại doanh thu cao như: dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch, vận tải... Phấn đấu tăng trưởng các ngành tối thiểu từ 10% trở lên so với năm 2024.

- Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:

+ Chuẩn bị và triển khai tốt các hoạt động du lịch ngay từ đầu năm, hoạt động lễ hội tại các địa phương trên địa bàn thành phố. Xây dựng Kế hoạch quảng bá xúc tiến năm 2025, trong đó tập trung các giải pháp nhằm nâng cao mức chi tiêu bình quân

của khách du lịch khi đến với thành phố thông qua việc kết nối hình thành các tour tuyến du lịch; chủ trì tổ chức các hoạt động nhằm gắn kết các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn các tỉnh thành trong khu vực và các cơ sở lưu trú để hỗ trợ phát triển các chuỗi liên kết trong hoạt động du lịch, góp phần hình thành sản phẩm du lịch mới, sản phẩm du lịch đặc trưng của thành phố. Triển khai công tác đảm bảo môi trường kinh doanh du lịch;

+ Tiếp tục thúc đẩy kết nối đường bay nội địa và quốc tế đến Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, chuẩn bị tốt các điều kiện để thu hút phát triển du lịch đường sông;

+ Phân đầu tăng trưởng số lượng khách du lịch và doanh thu du lịch tối thiểu từ 10% trở lên so với năm 2024.

- Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND quận, huyện:

+ Tổ chức sản xuất nông nghiệp, phân đầu đạt và vượt Kế hoạch sản xuất của năm. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; triển khai có hiệu quả Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” nhằm xây dựng và phát triển sản phẩm, thương hiệu nông sản đặc sản phù hợp với lợi thế của thành phố và nhu cầu của thị trường;

+ Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực quốc gia; phát triển nông nghiệp đảm bảo an toàn chất lượng; tăng cường hướng dẫn, cấp chứng nhận mã số vùng trồng; khuyến khích nông nghiệp hữu cơ;

+ Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị;

+ Triển khai có hiệu quả Đề án Phát triển bền vững 1 triệu hec-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030. Thực hiện tốt việc phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi và cây trồng, phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với hạn mặn, tiêu thoát nước mùa mưa, gia cố đê, kè chống úng ngập, các tác động cực đoan, bất lợi của thời tiết.

d) Về xuất khẩu:

- Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan: Chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tổ chức thực hiện các hoạt động thiết thực, hiệu quả nhằm tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao; tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do đã ký, khai thác hiệu quả thị trường mới, nhất là thị trường Halal, Trung Đông, Mỹ La-tinh, Châu Phi...; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu; nâng cao năng lực phòng vệ thương mại, phòng, chống gian lận xuất xứ hàng hóa; chú trọng cung cấp thông tin thị trường và hỗ trợ pháp

lý trong thương mại, đầu tư quốc tế;

- Đề nghị Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực XIX chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan: Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố về việc hỗ trợ và tạo thuận lợi trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; chủ động làm việc với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; rà soát, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp những tháng đầu năm 2025; đẩy nhanh tiến độ kê khai, nộp thuế kịp thời, phấn đấu tăng thu xuất nhập khẩu ở mức cao nhất.

3. Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới

a) Giao Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện: Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025; thúc đẩy nhanh hơn quá trình đổi mới, cơ cấu lại nền kinh tế.

b) Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đề xuất các chương trình, đề án, dự án triển khai hiệu quả Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số toàn diện, triển khai các thể chế số theo hướng dẫn của Trung ương, ưu tiên phát triển hạ tầng số hiện đại, nền kinh tế số rộng khắp, bảo đảm an ninh, an toàn mạng; trọng tâm là hoàn thành các thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ, Khu công nghệ thông tin tập trung; thu hút mời gọi đầu tư các khu công nghệ cao theo quy hoạch thành phố;

- Tăng cường hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ. Thúc đẩy, phát triển thị trường khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, chợ công nghệ quy mô cấp vùng, Sàn Giao dịch công nghệ. Vận hành Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thành phố Cần Thơ, kết nối và chia sẻ dữ liệu với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia. Phát triển hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố, tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

c) Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan: Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Xây dựng dự báo về nhu cầu đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ; đa dạng hóa hình thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo cho các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng trọng điểm

a) Giao Trưởng ban Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Phấn đấu nâng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp hóa chất, cơ khí chế tạo, năng lượng, dược phẩm, điện tử, chế biến nông thủy sản, thực phẩm và công nghiệp hỗ trợ. Tham mưu rà soát điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp Trà Nóc 1, 2; khu công nghiệp Thốt Nốt;

- Tích cực rà soát tình hình sử dụng đất tại các Khu Công nghiệp, cương quyết thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các dự án ngưng hoạt động quá thời gian quy định và dự án triển khai không đúng mục tiêu, tiến độ đầu tư;

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đất đai, đầu tư, xây dựng, đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng dự án khu công nghiệp Vĩnh Thạnh - giai đoạn 1 (Khu công nghiệp VSIP Cần Thơ) để thu hút hiệu quả nhà đầu tư thứ cấp vào khu công nghiệp trong quý II năm 2025. Đẩy nhanh công tác thu hồi đất Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 2 (Phú Mỹ 3 Cần Thơ IP), phấn đấu hoàn thành tối thiểu 50% công tác giải phóng mặt bằng để giao đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án trong 9 tháng đầu năm 2025;

- Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện cần thiết thu hút các tập đoàn lớn đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch thành phố đã được duyệt, trọng tâm là Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 2, Khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai (giai đoạn 1); Khu công nghiệp công nghệ cao Ô Môn theo quy hoạch.

b) Giao Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND quận, huyện có dự án đi qua địa bàn: Tập trung nguồn lực, tổ chức triển khai thực hiện đạt và vượt tiến độ đối với các dự án trọng điểm quốc gia, các dự án trọng điểm của thành phố như cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 - Dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ; cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025, dự án thành phần Cần Thơ - Hậu Giang; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 từ đoạn Km0 - Km7; đường Vành đai phía Tây thành phố; phấn đấu hoàn thành các tuyến đường tỉnh 917, 918, 921, 923, phát huy hiệu quả kết nối, thúc đẩy liên kết vùng.

c) Giao Giám đốc Sở: Tài chính, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND quận, huyện có dự án trên địa bàn:

- Hoàn thành các thủ tục liên quan đến điều chỉnh dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3), Bệnh viện Ung Bướu thành phố... chủ động rà soát, kịp thời đề xuất cấp thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;

- Tập trung xúc tiến mời gọi đầu tư Trung tâm liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thành lập;

- Tranh thủ sự hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương trong triển khai các quy định mới đối với dự án Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ;

- Chuẩn bị đầy đủ thủ tục mời gọi đầu tư, lựa chọn được nhà đầu tư để thực hiện dự án Khu công nghệ cao Ô Môn, Khu đô thị Ô Môn, các trung tâm logistics hiện đại, cảng Cái Cui, Thốt Nốt, Ô Môn nâng cấp hoàn chỉnh Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ theo quy hoạch; dự án Nhà ở xã hội tại khu thiết chế công đoàn Cần Thơ; Dự án xử lý nước thải; Khu xử lý chất thải rắn huyện Thới Lai... trong 6 tháng đầu năm 2025;

- Rà soát, hoàn thành thủ tục phê duyệt phương án đấu giá cơ sở nhà, đất trên địa bàn để tổ chức đấu giá theo quy định; trước mắt là các cơ sở nhà, đất tại số B7-47 đường 22B khu đô thị Phú An (lô số 20), phường Phú Thứ, quận Cái Răng; số 44 đường Ngô Quyền, phường Tân An, quận Ninh Kiều; số 91-93 đường Võ Văn Tần, phường Tân An, quận Ninh Kiều; số 27 đường Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều và số 31 đường Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều;

- Phần đầu khởi công và sớm đi vào hoạt động trong năm 2025 các dự án có tính dẫn dắt, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách như: các dự án thuộc chuỗi nhà máy điện Ô Môn (hiện nay đã thực hiện mời thầu theo phương thức tổng thầu EPC); Dự án Trung tâm Thương mại, Dịch vụ để hoạt động du lịch, kinh doanh văn phòng AEON MALL Cần Thơ.

d) Giao Giám đốc Sở: Xây dựng, Tài chính chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan: Tích cực tháo gỡ pháp lý, thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án bất động sản, dự án nhà ở để tăng nguồn cung; yêu cầu chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại, khu đô thị thực hiện đầu tư trên quỹ đất ở 20% trong các dự án để xây dựng nhà ở xã hội. Hoàn thành xây dựng Đề án Nhà ở xã hội, huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội - độc lập, nhà ở xã hội cho thuê, nhà ở xã hội phục vụ tái định cư. Đẩy mạnh việc phát triển nhà ở thương mại giá thấp để phục vụ nhu cầu về nhà ở xã hội trên địa bàn; đồng thời giảm tải cho nguồn lực của Nhà nước.

5. Tiếp tục triển khai thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để tháo gỡ ngay các khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Giao Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và Chủ tịch UBND quận, huyện:

- Tập trung kiện toàn tổ chức các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp đảm bảo “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” theo chủ trương, định hướng của Trung ương, Thành ủy, HĐND thành phố, UBND thành phố, bảo đảm không để gián đoạn công việc. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát, theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Tích cực tháo gỡ các điểm nghẽn, khó khăn vướng mắc, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển thành phố. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các luật, nghị quyết đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8 để các quy định mới đi vào thực tiễn nhanh nhất. Thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính; kiên quyết rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Tổ chức đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin kịp thời và lắng nghe đầy đủ các ý kiến đóng góp, những khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, kinh doanh; triển khai đồng bộ, kịp thời các chính sách hỗ trợ theo quy định,...

- Tiếp tục quán triệt, đẩy nhanh tiến độ thể chế hóa Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ; tranh thủ hỗ trợ của Bộ ngành kịp thời đề xuất sửa đổi, điều chỉnh Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội, nhằm tạo thêm nguồn lực cho thành phố phát triển nhanh và bền vững trong tình hình mới;

- Thúc đẩy phát triển liên kết vùng với những nhiệm vụ cụ thể, những công trình thiết thực phục vụ mục tiêu phát triển vùng theo Nghị quyết 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, UBND thành phố yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện và cơ quan liên quan:

a) Khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND thành phố bằng các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương, **báo cáo kết quả về UBND thành phố trước ngày 18 tháng 3 năm 2025**; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, xây dựng lộ trình cụ thể, thiết thực, chỉ đạo điều hành có trọng tâm, trọng điểm ở từng lĩnh vực, đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện theo từng quý;

b) Theo dõi sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ, không để xảy ra tình trạng xáo trộn, gián đoạn trong thời điểm sắp xếp, điều chuyển chức năng, nhiệm vụ, tổ

chức bộ máy của một số cơ quan chuyên môn thành phố và cấp huyện. Thực hiện công tác thống kê, báo cáo kịp thời, chính xác; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Kế hoạch này; trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo UBND thành phố để xem xét.

2. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện; định kỳ hàng quý, tổng hợp báo cáo UBND thành phố. Trên cơ sở kết quả thực hiện kịch bản từng quý, chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê thành phố, sở, ban, ngành cấp nhật, đánh giá tình hình kết quả báo cáo UBND thành phố để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kịp thời bổ sung, điều chỉnh kịch bản tăng trưởng cho phù hợp. Phối hợp với Chi cục Thuế khu vực XIX, Chi cục Hải quan khu vực XIX, Kho bạc Nhà nước khu vực XIX chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thu - chi ngân sách.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng khu vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

4. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ thương mại, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

5. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng lĩnh vực xây dựng trong tăng trưởng khu vực: Công nghiệp - Xây dựng; kết quả hoạt động kinh doanh bất động sản trong tăng trưởng khu vực dịch vụ.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối, chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng của ngành du lịch.

7. Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ là cơ quan đầu mối chủ trì chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về thực hiện chỉ tiêu thu hút đầu tư trong khu công nghiệp.

8. Cục Trưởng Cục Thống kê thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, tổng hợp báo cáo Tổng cục Thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời, làm cơ sở quan trọng để Tổng cục Thống kê tính toán, công bố chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế của thành phố hàng quý, 6 tháng đầu năm và cả năm 2025.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, xã hội thành phố tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tập trung tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân đoàn kết, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch; đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các công trình, dự án trọng điểm trong năm 2025; đồng thời, tăng cường giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện để kịp thời kiến nghị, tham gia, góp ý với UBND thành phố về các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2025 đạt hiệu quả cao nhất.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Kịch bản tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2025 của thành phố, yêu cầu Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành, Thủ trưởng cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn và Chủ tịch UBND quận, huyện nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả./.

(Đính kèm Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII)

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- UBND TP (1);
- UBMTTQ Việt Nam TP;
- Các tổ chức chính trị, xã hội TP;
- Cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn thành phố;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- VP. Thành ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- VP. UBND TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, VNT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THEO TỪNG QUÝ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Các nhiệm vụ tập trung thực hiện trong Quý I/2025				
1	Tham mưu tổ chức Hội nghị tổng kết xây dựng cơ bản năm 2024	Tổ chức Hội nghị	Tháng 3	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
2	Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2025, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 sang năm 2025	Tờ trình của UBND thành phố trình HĐND thành phố, Quyết định của UBND thành phố	Tháng 3	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
3	Triển khai thực hiện Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội	Triển khai và báo cáo kết quả thực hiện; kiểm tra giám sát việc thực hiện	Thường xuyên	Chi cục Thuế khu vực XIX	Cơ quan, đơn vị liên quan
4	Lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất theo Nghị định 144/2024/NĐ-CP	Quyết định của UBND thành phố	Tháng 3	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
5	Triển khai Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của UBND thành phố về việc chuyển đổi Nông trường Sông Hậu thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp	Hoàn thành thủ tục đăng ký DN; thu hút đầu tư vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Tháng 3	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
6	Rà soát, hoàn thiện Đề án Thành lập Khu Công nghệ cao Cần Thơ	Tờ trình/Công văn của UBND thành phố kèm Đề án	Tháng 3	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị liên quan
7	Hoàn thành các thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo thành phố Cần Thơ	Hồ sơ đề xuất dự án	Tháng 3	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị liên quan
8	Hoàn thành các thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Khu công nghệ thông tin tập trung (hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500..)	Quyết định của cấp thẩm quyền	Tháng 3	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, UBND quận Cái Răng	Cơ quan, đơn vị liên quan
9	Đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, Dự án thành phần 2 đoạn qua địa bàn thành phố Cần Thơ.	Hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng; di dời đường điện cao thế	Tháng 6	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố; UBND huyện: Cờ Đỏ, Thới Lai	Cơ quan, đơn vị liên quan
10	Hoàn chỉnh trình UBND thành phố phê duyệt hồ sơ mời quan tâm dự án Nhà ở xã hội tại khu thiết chế công đoàn Cần Thơ	Quyết định của UBND thành phố	Tháng 3	Sở Tài chính, UBND quận Ô Môn	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
11	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường)	Báo cáo thẩm định hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư	Tháng 3	Sở Y tế, Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
12	Hoàn thiện đề án, thủ tục pháp lý phát hành Trái phiếu Chính quyền địa phương	Các văn bản pháp lý theo quy định	Tháng 3	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
II	Các nhiệm vụ tập trung thực hiện trong Quý II/2025				
1	Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, chuyển đổi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nông nghiệp Cờ Đỏ thành Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp	Hoàn thành công tác chuyển đổi	Tháng 6	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị liên quan
2	Tham mưu Tổ chức Hội nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp	Hội nghị	Tháng 4	Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị liên quan
3	Tổ chức Lễ hội Bánh dân gian Nam bộ lần thứ XII năm 2025	Các hoạt động	Tháng 4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
4	Tổ chức Ngày hội du lịch Vườn trái cây Tân Lộc năm 2025	Các hoạt động	Tháng 5	UBND quận Thốt Nốt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị liên quan
5	Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đất đai, đầu tư, xây dựng, đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng dự án khu công nghiệp Vĩnh Thạnh - giai đoạn 1 (Khu công nghiệp VSIP Cần Thơ)	Tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ; họp tháo gỡ khó khăn	Tháng 4	Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	Cơ quan, đơn vị liên quan
6	Đẩy nhanh công tác thu hồi đất Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh giai đoạn 2 (Phú Mỹ 3 Cần Thơ IP),	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, GPMB, thu hồi đất	Tháng 4-5	UBND huyện Vĩnh Thạnh, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	Cơ quan, đơn vị liên quan
7	Chuẩn bị các điều kiện cần thiết (quy hoạch, thủ tục) thu hút các tập đoàn lớn đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp theo quy hoạch thành phố đã được duyệt, trọng tâm là Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh 2, Khu công nghiệp Cờ Đỏ - Thới Lai (giai đoạn 1); Khu công nghiệp công nghệ cao Ô Môn theo quy hoạch	Các văn bản pháp lý theo quy định	Tháng 5	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Hỗ trợ Nhà đầu tư các Nhà máy nhiệt điện Ô Môn (II, III, IV) và đường ống dẫn khí Lô B (thuộc Chuỗi dự án khí - điện Lô B); phân đấu khởi công 02 Nhà máy nhiệt điện (Ô Môn I, IV)	Tổ chức kiểm tra, đơn đốc tiến độ; họp tháo gỡ khó khăn	Tháng 4	Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị liên quan
9	Lập Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Cần Thơ	UBND thành phố phê duyệt đề án	Tháng 5	Sở Xây dựng	Cơ quan, đơn vị liên quan
10	Hoàn thành công tác lập trình phê duyệt các quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và chi tiết tỷ lệ 1/500 để làm cơ sở đấu giá/đấu thầu các dự án quan trọng: Trung tâm logistics hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, Bến cảng Ô Môn, 02 khu đất tại khu vực cảng Cái Cui và cảng Thốt Nốt; Bến xe khách phía Tây thành phố; 03 bãi đỗ xe công cộng tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy	Quyết định của UBND thành phố phê duyệt đề án	Tháng 4	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng	Cơ quan, đơn vị liên quan
11	Tham mưu đề xuất sửa đổi, điều chỉnh Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội	Tờ trình của UBND thành phố	Tháng 4	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
12	Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2025, trong đó bao gồm đề xuất giao kế hoạch vốn cho các khu tái định cư mới trên địa bàn các quận, huyện	Tờ trình của UBND thành phố	Tháng 5	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
13	Triển lãm “Cần Thơ - 50 năm thành tựu và phát triển”	Kế hoạch tổ chức	Tháng 4	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ	Cơ quan, đơn vị liên quan
14	Tổ chức Ngày hội Du lịch sinh thái Phong Điền - Cần Thơ năm 2025 và Lễ hội trái cây Cần Thơ năm 2025	Các hoạt động của ngày hội	Tháng 7	UBND huyện Phong Điền	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị liên quan
15	Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Thông báo mời thầu, QĐ phê duyệt kết quả đấu thầu	Tháng 4	Sở Xây dựng	Cơ quan, đơn vị liên quan
16	Tổ chức đấu giá các khu đất công	Quyết định trúng đấu giá	Tháng 5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị liên quan
17	Hoàn thiện hồ sơ đề xuất sửa đổi, điều chỉnh Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội	Tờ trình của Chính phủ, Nghị quyết của Quốc hội	Tháng 5-6	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
18	Triển khai Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Vận động doanh nghiệp, nông dân và các thành phần kinh tế tham gia liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Tháng 5-6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
III	Các nhiệm vụ tập trung thực hiện trong Quý III/2025				
1	Tổ chức Chương trình “Khuyến mại Tập trung năm 2025”	Các hoạt động của chương trình	Tháng 7	Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị liên quan
2	Tổ chức Hội nghị kết nối giao thương tại thành phố Cần Thơ	Hội nghị	Tháng 7	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ; Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị liên quan
3	Tổ chức Ngày hội du lịch “Văn hóa chợ nổi Cái Răng” năm 2025	Các hoạt động của ngày hội	Tháng 8	UBND quận Cái Răng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan, đơn vị liên quan
4	Sơ kết công tác đầu tư xây dựng cơ bản	Hội nghị	Tháng 9	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
5	Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án quan trọng	Thông báo mời thầu	Tháng 9	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
6	Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2025	Quyết định của UBND thành phố, Nghị quyết của HĐND thành phố	Tháng 9	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
7	Công nhận sản phẩm OCOP (triển khai theo Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”)	Công nhận sản phẩm OCOP	Tháng 7-8-9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị liên quan

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thời gian hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Xây dựng đề án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Quyết định phê duyệt đề án của UBND thành phố	Tháng 8-9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị liên quan
IV	Các nhiệm vụ tập trung thực hiện trong Quý IV/2025				
1	Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án quan trọng	Thông báo mời thầu	Tháng 10	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
2	Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2025	Quyết định của UBND thành phố	Tháng 11	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị liên quan
3	Tổ chức Hội chợ thương mại quốc tế Cần Thơ	Các hoạt động của Hội chợ	Tháng 11-12	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ; Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị liên quan
4	Trình dự thảo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065	Tờ trình	Tháng 11-12	Sở Xây dựng	Cơ quan, đơn vị liên quan
5	Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất (theo Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)	Quyết định trúng đấu giá	Tháng 10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị liên quan
6	Tổ chức Ngày hội Du lịch - Đêm Hoa đăng Ninh Kiều, Cần Thơ" lần thứ VIII	Các hoạt động của Ngày hội	Tháng 12	UBND quận Ninh Kiều	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cơ quan, đơn vị liên quan



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện năm 2024					Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)									
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ước cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ước cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Ước cả năm
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa (GRDP)	1	104,80	106,11	108,50	108,87	107,12	109,19	110,89	110,39	111,36	110,50	109,23	111,01	111,22	112,33	111,00
Khu vực Nông lâm nghiệp và Thủy sản	2	100,38	105,52	102,93	104,88	103,21	102,39	104,25	103,18	104,66	103,58	102,39	104,25	103,78	104,96	103,84
Khu vực công nghiệp và xây dựng <i>Riêng Công nghiệp</i>	3	106,04	103,89	111,03	110,31	107,69	109,65	111,75	112,64	112,23	111,60	109,65	111,75	112,64	112,83	111,76
Khu vực dịch vụ	4	105,67	102,83	111,36	109,69	107,13	109,97	112,50	113,28	112,37	112,04	109,97	112,50	113,28	112,80	112,16
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5	105,25	107,93	108,88	109,49	107,95	110,82	111,86	111,16	112,73	111,68	110,82	111,86	112,49	114,11	112,39
	6	103,56	104,26	104,19	103,39	103,83	106,21	105,02	106,08	106,68	106,00	106,71	107,02	106,86	107,23	106,96



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Ước Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 (Đã báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố)	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)					
						Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	D	1	2	3					
1	I. Trồng trọt	x									
2	I. Cây hằng năm	x									
3	Vụ Đông Xuân Vụ Hè Thu Vụ Thu	Tiến độ gieo trồng	Ha	01	72.813	72.060	72.031				
4		Tiến độ thu hoạch	"	02	72.813	72.031	72.031	72.031			
9		Tiến độ gieo trồng	Ha	07	71.280	70.177	70.177		70.177		
10		Tiến độ thu hoạch	"	08	71.280	70.177	70.177			70.177	
15		Tiến độ gieo trồng	Ha	13	68.521	64.267	64.267			64.267	
16		Tiến độ thu hoạch	"	14	68.521	64.267	64.267			64.267	
27		1.2. Ngô	Tiến độ gieo trồng	Ha	25	990	668	668	343		325
28			Tiến độ thu hoạch	"	26	990	668	668		343	325
33	1.3. Sắn	Tiến độ gieo trồng	Ha	31	13	12	12	3,5		8,5	
34		Tiến độ thu hoạch	"	32	13	12	12		3,5	8,5	
45	1.5. Rau các loại	Tiến độ gieo trồng	Ha	43	12.016	11.830	11.830	5.300		6.530	
46		Tiến độ thu hoạch	"	44	12.016	11.830	11.830		5.300	6.530	
51	1.6. Hoa các loại	Tiến độ gieo trồng	Ha	49	26	27	27	19		9	
52		Tiến độ thu hoạch	"	50	26	27	27		19	9	
57	1.7. Cây hn khác	Tiến độ gieo trồng	Ha	55	667	680	680	326		354	
58		Tiến độ thu hoạch	"	56	667	680	680		326	354	
63	1.8. Diện tích cây hằng năm bị xâm nhập mặn với ranh 4 g/l	Ha	61								
64	2. Cây lâu năm	x									
105	2.6. Dừa	Diện tích trồng tập trung (luỹ kế)	Ha	102	1.317	1.305	1.305	1.300	1.303	1.306	1.305
106		Diện tích trồng mới	"	103	9	10	10	-	5	3	2
107		Diện tích chuyển đổi sang mục đích khác	"	104		22	22	17	2	-	3
113	2.7. Xoài	Diện tích trồng tập trung (luỹ kế)	Ha	110	3.237	3.242	3.275	3.252	3.267	3.270	3.275
114		Diện tích trồng mới	"	111	194	78	78	20	30	18	10
115		Diện tích chuyển đổi sang mục đích khác	"	112		25	25		15	10	
121	2.8. Chuối	Diện tích trồng tập trung (luỹ kế)	Ha	118	906	910	925	906	914	922	925
122		Diện tích trồng mới	"	119	24	28	28		10	10	8

STT	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Mã số	Ước Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 (Đã báo cáo Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố)	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
							Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B		C	D	1	2	3				
123		Diện tích chuyển đổi sang mục đích khác	"	120		4					
129	2.9. Thanh long	Diện tích trồng tập trung (luỹ kế)	Ha	126	23	23	4		2	2	
130		Diện tích trồng mới	"	127			22,75	22,75	22,75	22,75	22,75
145	2.11. Sầu riêng	Diện tích trồng tập trung (luỹ kế)	Ha	142	6.991	7.191	7.211				
146		Diện tích trồng mới	"	143	2.000	230	7.051	7.111	7.158	7.211	
153	2.12. Cam	Diện tích trồng tập trung (luỹ kế)	Ha	150	532	542	230	60	65	50	55
154		Diện tích trồng mới	"	151	3	11	542	532	536	540	542
161	2.13. Bưởi	Diện tích trồng tập trung	Ha	158	520	522	13	0	7	4	2
162		Diện tích trồng mới	"	159	24	9	526	520	524	526	526
169	2.14. Nhãn	Diện tích trồng tập trung	Ha	166	2.608	2.733	9	0	7	2	0
170		Diện tích trồng mới	"	167	191	145	2.748	2.651	2.706	2.728	2.748
185	2.16. Chôm chôm	Diện tích trồng tập trung	Ha	182	383	408	145	48	55	22	20
186		Diện tích trồng mới	"	183	21	30	408	383	396	406	408
193	2.19. Diện tích cây lâu năm bị xâm nhập mặn với ranh 4 g/l		Ha	190			30		15	10	5
194	II. Chăn nuôi		x								
211	III. Lâm nghiệp		x								
214	IV. Thủy sản		x								
217	3. Cá tra thâm canh, bán thâm canh	Diện tích thả nuôi	Ha	211	674	677	677	499	118	30	30
218		Diện tích thu hoạch	"	212			615	110	199	124	182
241	6. Tôm quảng canh, quảng canh cải tiến	Diện tích mật nước nuôi	Ha	235	1	1	1	-	-	1	-
242		Diện tích mất trắng (bị thiệt hại từ 70% trở lên).	"	236			1				1
255	12. Số lượng tàu thuyền vi phạm IUU		"	249							

*: Số liệu đầu con tại thời điểm ngày 20 của tháng 3,6,9,11 (20/3, 20/6, 20/9, 20/11)



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV
DOANH THU MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Mã ngành, Tên Ngành	Mã số	Ước thực hiện năm 2024	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
				Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	C	C	2				
1	G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	01	267.494.827	299.790.872	72.697.020	74.161.862	75.022.823	77.909.167
	45. Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	02	15.992.535	17.838.000	4.092.397	4.291.152	4.449.945	5.004.506
	- Bán buôn ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	03	3.880.880	4.250.500	903.520	1.025.302	1.142.360	1.179.318
	- Bán lẻ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	04	10.412.172	11.585.000	2.710.508	2.775.200	2.806.250	3.293.042
	- Doanh thu thuần sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	05	1.699.483	2.002.500	478.369	490.650	501.335	532.146
	46. Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	06	160.330.212	178.900.503	43.036.503	44.120.350	44.762.510	46.981.140
	47. Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	07	91.172.080	103.052.369	25.568.120	25.750.360	25.810.368	25.923.521
2	H. Vận tải kho bãi	08	8.067.973	9.060.364	2.264.146	2.250.848	2.245.795	2.299.575

STT	Mã ngành, Tên Ngành	Mã số	Ước thực hiện năm 2024	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
	49. Vận tải đường sắt, đường bộ và vận tải đường ống	09	4.103.164	4.525.330	1.140.356	1.128.650	1.126.850	1.129.474
	50. Vận tải đường thủy	10	1.745.563	2.003.556	489.230	492.350	490.360	531.616
	51. Vận tải hàng không	11	270.631	302.568	74.320	77.120	75.102	76.026
	52. Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	12	968.473	1.135.225	285.120	280.360	281.033	288.712
	53. Bru chính và chuyên phát	13	980.142	1.093.685	275.120	272.368	272.450	273.747
3	I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	14	15.691.485	18.209.200	4.488.766	4.639.159	4.423.605	4.657.670
	55. Dịch vụ lưu trú	15	1.296.313	1.450.350	331.328	337.470	369.446	412.107
	56. Dịch vụ ăn uống	16	14.395.172	16.758.850	4.157.438	4.301.689	4.054.160	4.245.564
4	J. Thông tin và truyền thông	17	7.506.559	8.502.019	1.990.894	2.162.087	2.313.688	2.035.350
	J58. Hoạt động xuất bản	18	582.205	650.120	7.500	230.568	375.850	36.202
	J59. Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc	19	119.326	130.250	32.489	32.350	32.550	32.861
	J60. Hoạt động phát thanh, truyền hình	20	70.465	80.036	20.063	19.803	19.985	20.185
	61. Viễn Thông	21	6.198.921	7.025.360	1.780.350	1.725.650	1.730.065	1.789.295
	62. Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	22	446.883	515.885	125.460	128.658	130.150	131.617
	63. Hoạt động dịch vụ thông tin	23	88.759	100.368	25.032	25.058	25.088	25.190
5	L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	24	5.445.324	6.235.680	1.450.680	1.485.150	1.536.850	1.763.000
	68. Hoạt động kinh doanh bất động sản	25	5.445.324	6.235.680	1.450.680	1.485.150	1.536.850	1.763.000
6	N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	26	1.680.819	1.908.990	447.976	497.790	517.212	446.012

STT	Mã ngành, Tên Ngành	Mã số	Ước thực hiện năm 2024	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
	77. Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	27	314.914	350.123	88.102	87.650	87.123	87.248
	78. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm	28	103.280	115.258	28.253	28.403	29.120	29.482
	79. Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	29	472.964	585.680	120.101	169.538	187.159	108.882
	80. Hoạt động điều tra bảo đảm an toàn	30	287.522	315.120	77.910	78.360	79.012	79.838
	81. Hoạt động dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	31	268.887	292.689	73.510	72.036	72.540	74.603
	82. Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác	32	233.252	250.120	60.100	61.803	62.258	65.959
7	S. Hoạt động dịch vụ khác	33	1.578.469	1.784.729	450.363	428.427	442.015	463.924
	S94. Hoạt động của các hiệp hội, tổ chức khác	34						
	95. Sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình	35	389.000	425.741	105.235	105.842	106.759	107.905
	96. Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác	36	1.189.469	1.358.988	345.128	322.585	335.256	356.019



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC V

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2024	Kịch bản phân đầu năm 2025				
			Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	B	1	2	3	4	5	6
A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG	1						
I. Dự nợ tín dụng	2	174.446.604	199.800.000	177.800.000	188.900.000	193.700.000	199.800.000
1. Bằng đồng Việt Nam	3	166.240.256	191.000.000	169.500.000	180.400.000	185.000.000	191.000.000
+ Ngắn hạn	4	100.193.266	121.034.000	102.528.000	112.430.000	116.032.000	121.034.000
+ Trung và dài hạn	5	66.046.990	69.966.000	66.972.000	67.970.000	68.968.000	69.966.000
2. Bằng ngoại tệ	6	8.206.348	8.800.000	8.300.000	8.500.000	8.700.000	8.800.000
+ Ngắn hạn	7	8.180.134	8.766.000	8.272.000	8.470.000	8.668.000	8.766.000
+ Trung và dài hạn	8	26.214	34.000	28.000	30.000	32.000	34.000
3. Tổng cộng (3=1+2)	9	174.446.604	199.800.000	177.800.000	188.900.000	193.700.000	199.800.000
+ Ngắn hạn	10	108.373.400	129.800.000	110.800.000	120.900.000	124.700.000	129.800.000
+ Trung và dài hạn	11	66.073.204	70.000.000	67.000.000	68.000.000	69.000.000	70.000.000
II. Số dư huy động vốn	12	136.815.655	152.000.000	138.500.000	144.800.000	148.300.000	152.000.000
1. Bằng đồng Việt Nam	13	133.177.418	148.000.000	134.800.000	141.000.000	144.400.000	148.000.000
+ Ngắn hạn	14	119.145.261	133.240.000	120.637.000	126.638.000	129.839.000	133.240.000
+ Trung và dài hạn	15	14.032.157	14.760.000	14.163.000	14.362.000	14.561.000	14.760.000
2. Bằng ngoại tệ	16	3.638.237	4.000.000	3.700.000	3.800.000	3.900.000	4.000.000
+ Ngắn hạn	17	3.399.313	3.760.000	3.463.000	3.562.000	3.661.000	3.760.000
+ Trung và dài hạn	18	238.924	240.000	237.000	238.000	239.000	240.000
3. Tổng cộng (3=1+2)	19	136.815.655	152.000.000	138.500.000	144.800.000	148.300.000	152.000.000
+ Ngắn hạn	20	122.544.574	137.000.000	124.100.000	130.200.000	133.500.000	137.000.000
+ Trung và dài hạn	21	14.271.081	15.000.000	14.400.000	14.600.000	14.800.000	15.000.000



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC VI
THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45 /KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 (Đã báo cáo HĐND thành phố)	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
				Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5+6+7</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+...+V)	1	12.264.526	12.314.806	14.193.637	3.718.000	3.015.000	2.942.000	4.057.000
I. Thu nội địa	2	12.241.944	12.082.000	13.732.000	3.718.000	3.015.000	2.942.000	4.057.000
Thu từ doanh nghiệp nhà nước (TW+ĐP)	3	633.214	658.000	658.000	175.600	163.700	157.200	161.500
Trong đó:								
- Thuế giá trị gia tăng hàng hóa và dịch vụ	4	384.073	459.000	459.000	113.755	113.680	117.285	114.280
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa và dịch vụ	5	12.625	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6	221.217	182.000	182.000	58.900	44.550	35.150	43.400
- Thuế tài nguyên	7	15.299	17.000	17.000	2.945	5.470	4.765	3.820
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	8	1.261.748	1.180.000	1.180.000	403.000	246.200	225.800	305.000
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng hàng hóa và dịch vụ	9	300.919	279.000	279.000	74.900	68.500	70.000	65.600
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa và dịch vụ	10	547.245	520.000	520.000	135.000	131.000	126.000	128.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11	413.384	380.800	380.800	193.048	46.654	29.749	111.349
- Thuế tài nguyên	12	201	200	200	52	46	51	51

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 (Đã báo cáo HĐND thành phố)	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
				Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=4+5+6+7</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	13	2.929.070	2.950.000	2.950.000	871.700	679.600	652.500	746.200
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng hàng hóa và dịch vụ	14	1.526.399	1.644.400	1.644.400	443.900	389.355	387.245	423.900
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa và dịch vụ	15	461.210	452.000	452.000	118.970	109.350	100.330	123.350
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16	937.631	850.000	850.000	308.000	180.000	164.000	198.000
- Thuế tài nguyên	17	3.830	3.600	3.600	830	895	925	950
Thuế thu nhập cá nhân	18	1.378.503	1.240.000	1.240.000	420.000	305.000	253.000	262.000
Thuế bảo vệ môi trường	19	833.736	1.320.000	1.320.000	350.000	310.000	315.000	345.000
Thu phí, lệ phí	20	683.078	635.000	635.000	176.500	149.500	146.500	162.500
Trong đó: Lệ phí trước bạ	21	472.470	430.000	430.000	101.000	107.000	103.000	119.000
Các khoản thu về nhà, đất	22	2.123.550	1.776.000	3.426.000	467.550	676.330	717.710	1.564.410
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	23	69	-	-	-	-	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	24	42.781	35.000	35.000	9.100	13.000	6.000	6.900
- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25	177.352	181.000	181.000	21.000	70.000	18.000	72.000
- Thu tiền sử dụng đất	26	1.893.426	1.550.000	3.200.000	435.000	590.800	691.200	1.483.000
- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	27	9.922	10.000	10.000	2.450	2.530	2.510	2.510
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	28	2.027.609	2.020.000	2.020.000	780.000	413.000	400.000	427.000
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng	29	590.272	600.000	600.000	150.000	160.000	140.000	150.000
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	30	784.931	785.000	785.000	200.000	200.000	195.000	190.000
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	31	7.494	8.000	8.000	650	3.670	790	2.890
Thu khác ngân sách	32	350.025	283.000	283.000	73.000	68.000	70.000	72.000
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	33							

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 (Đã báo cáo HDND thành phố)	Kịch bản phân đầu năm 2025 (Theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2025 của UBND thành phố)				
				Cả năm	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=4+5+6+7$	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
Thu hồi vốn, thu hồi cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân sách nhà nước	34	13.917	12.000	12.000	-		3.500	8.500
II. Thu về dầu thô	35	0	0	0				
III. Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	37	19.156	231.169	460.000				
IV. Thu viện trợ	46	1.237	1.637	1.637				
V. Các khoản huy động đóng góp	47	2.189						



PHỤ LỤC VII

CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Ban hành kèm theo Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu A	Mã số B	Ước thực hiện 1	Kế hoạch năm 2025 2	Kịch bản phần đầu năm 2025					Ghi chú
				Cả năm 3	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1	14.423.184	20.800.164	22.450.164	5.569.942	5.360.883	5.755.363	5.628.935	Riêng năm 2025 chỉ lấy số liệu Chi ngân sách ĐỊA PHƯƠNG
I. Chi đầu tư phát triển	2	5.538.525	5.833.640	7.483.640	1.918.005	1.881.820	1.991.265	1.692.550	
Chi đầu tư cho các dự án	3	5.323.525	5.713.640	7.363.640	1.798.005	1.881.820	1.991.265	1.692.550	
Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định	4								
Chi đầu tư phát triển còn lại	5	215.000	120.000	120.000	120.000				
II. Chi trả nợ lãi	6	129.926	174.000	174.000	4.494	40.532	37.818	91.155	
III. Chi thường xuyên	7	6.971.856	8.186.195	8.186.195	2.083.727	1.806.054	2.138.802	2.157.612	
Chi quốc phòng	8	216.367	159.511	159.511	54.610	53.327	38.813	12.761	
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	9	74.862	54.388	54.388	12.142	7.208	19.834	15.204	
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	10	2.817.948	3.722.141	3.722.141	758.181	808.430	962.871	1.192.658	
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	11	471.957	415.957	415.957	127.821	127.856	134.610	25.670	
Chi khoa học, công nghệ	12	45.065	62.116	62.116	16.065	8.550	11.500	26.001	
Chi văn hóa, thông tin	13	84.437	80.279	80.279	21.291	22.798	22.415	13.776	
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	14	8.969	37.769	37.769	880	1.024	1.523	34.342	
Chi thể dục, thể thao	15	59.624	76.368	76.368	11.292	18.641	18.051	28.383	
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	16	171.511	232.130	232.130	16.679	51.704	42.050	121.696	
Chi sự nghiệp kinh tế	17	661.239	574.639	574.639	98.181	115.173	117.206	244.078	
<i>Trong đó: - Chi sự nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi</i>	18	292.273	166.984	166.984	16.773	23.614	30.719	95.878	
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	19	886.009	1.064.344	1.064.344	452.576	99.171	265.724	246.873	
<i>Trong đó: - Chi hoạt động quản lý Ngân hàng Nhà nước</i>	20	x	x	x					
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	21	567.202	335.170	335.170	88.880	135.611	106.505	4.174	
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	22	0				0	0	0	
Chi khác	23	906.665	1.371.383	1.371.383	425.129	356.560	397.701	191.994	
IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	24	1.380	1.380	1.380				1.380	
V. Chi dự phòng ngân sách	25	0	270.084	270.084		33.761	33.761	67.521	
VI. Các nhiệm vụ chi khác	26	1.781.497	6.334.865	6.334.865	1.563.716	1.598.716	1.553.716	1.618.716	